

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG PHÁP THEO CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TẠI HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

TRẦN THỊ MINH THỰC\*

\*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ minhthuc\_1999@yahoo.fr

## TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá môn tiếng Pháp tại Học viện Khoa học Quân sự dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam và Khung tham chiếu chung châu Âu về ngoại ngữ của thực tế dạy-học-kiểm tra, đánh giá ở Tổ bộ môn tiếng Pháp tại Học viện Khoa học Quân sự. Đề thực hiện công đoạn quan trọng của quá trình dạy-học ngoại ngữ nói chung và dạy-học tiếng Pháp nói riêng, cần xác định phương thức đánh giá theo hướng phát triển năng lực ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra; xác định rõ lộ trình sau mỗi học phần học viên, sinh viên phải đạt đến chuẩn nhất định nào đó; đa dạng các loại hình kiểm tra, đánh giá bằng cách bổ sung các loại hình đánh giá bằng bài tập lớn, bài tập thuyết trình và hồ sơ học tập; tổ chức cho giảng viên trong Tổ bộ môn tham gia các khoá bồi dưỡng về kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là kiểm tra, đánh giá theo trắc nghiệm khách quan, kiểm tra, đánh giá kỹ năng nói và viết.

**Từ khoá:** chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá, năng lực ngoại ngữ.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiểm tra, đánh giá có một vai trò quan trọng trong quá trình dạy và học. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn đổi mới kiểm tra, đánh giá là khâu đột phá trong chiến lược đổi mới căn bản toàn diện hệ thống giáo dục hiện nay. Trong đào tạo ngoại ngữ, kiểm tra đánh giá giúp người dạy xác định được khả năng, mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng vận dụng ngôn ngữ của người học, đánh giá được những vấn đề tồn tại trong kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của họ để từ đó điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng

dạy, giúp người học giải quyết các khó khăn đó. Kiểm tra đánh giá cũng là động lực để thúc đẩy và điều chỉnh phương pháp học tập của người học, thúc đẩy động cơ học tập, giúp người học tự đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng tiếp nhận, kỹ năng tương tác, kỹ năng sản sinh ngôn ngữ của mình, có kế hoạch, phương pháp tự ôn tập, củng cố kiến thức, tích lũy kiến thức, nâng cao năng lực hướng đến chuẩn đầu ra.

Trong bối cảnh nền giáo dục nước ta đang thực hiện nhiều đột phá nhằm chuyển mình từ nền giáo dục tập trung vào nội dung kiến thức



sang tiếp cận năng lực của người học, đặc biệt là năng lực đầu ra cho mỗi ngành học, việc đổi mới kiểm tra, đánh giá trong giáo dục đào tạo nói theo định hướng phát triển năng lực và chuẩn đầu ra là việc làm cấp bách hiện nay.

## 2. KHÁI NIỆM

Theo Khung tham chiếu chung châu Âu (Cadre Européen Commun de Référence, viết tắt là CECR), năng lực (compétence) là tổng hoà các kiến thức và các kỹ năng đơn lẻ cần vận dụng để hành động; Năng lực ngoại ngữ (compétence linguistique) là khả năng vận dụng kiến thức về ngữ âm, từ vựng, cú pháp... vào các mục đích giao tiếp trong các tình huống giao tiếp cụ thể (Conseil de l'Europe, 2001).

Kiểm tra (test) là quá trình đo lường kết quả thực tế và so sánh với những tiêu chuẩn, mục tiêu đã đề ra nhằm phát hiện những gì đã đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng/ chi phối... từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh khắc phục nhằm đạt được mục tiêu (Tagliante Chirstine, 2005).

Đánh giá (Evaluation) là một hoạt động nhằm nhận định, xác nhận giá trị thực trạng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng, hiệu quả công việc, trình độ, sự phát triển những kinh nghiệm được hình thành ở thời điểm hiện tại đang xét so với mục tiêu hay những chuẩn mực đã được xác lập. Trên cơ sở đó, nêu ra những biện pháp uốn nắn, điều chỉnh và giúp đỡ đối tượng hoàn thành nhiệm vụ (Tagliante Chirstine, 2005).

Như vậy, trong kiểm tra, người học được yêu cầu áp dụng những kiến thức đã học để làm các bài tập, thông qua các hoạt động, người học phải sử dụng kiến thức của mình, tình huống kiểm tra có thể là một bài tập, một nhiệm vụ đơn giản khác với nhiệm vụ được đưa ra trong tình huống học tập. Còn đánh giá là một nhiệm vụ phức tạp cần huy động các kiến thức, khả năng, nó có thể không dẫn đến một kết quả tốt mà dẫn đến một đề xuất xác đáng so với mục tiêu nêu ra trong tình huống học tập.

Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010).

Theo Nguyễn Thị Quỳnh Yến (2015), việc xây dựng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của các cơ sở đào tạo có ý nghĩa quan trọng đối với chương trình đào tạo, đối với người dạy, người học và đối với xã hội. Cụ thể:

Đối với nhà trường, chuẩn đầu ra là cơ sở để nhà trường xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, tạo được niềm tin cho người học và người sử dụng lao động.

Đối với người dạy, chuẩn đầu ra là cơ sở để thiết kế nội dung giảng dạy, là cơ sở để đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy người học làm trung tâm, phát triển đều các kỹ năng ngôn ngữ, lượng hoá rõ ràng về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học, khắc phục những hạn chế còn tồn đọng của phương pháp giáo dục truyền thống. Bên cạnh đó, nhờ có quy định về chuẩn đầu ra, mối quan hệ giữa các yếu tố dạy-học-đánh giá được đổi mới và nhìn nhận theo hướng tích cực hơn.

Đối với người học, chuẩn đầu ra giúp lượng hoá được khả năng ngôn ngữ của từng cá nhân, xác định được mục tiêu học tập, tạo động cơ học tập để đạt chuẩn theo yêu cầu của nhà trường và xã hội.

Đối với xã hội, chuẩn đầu ra là cơ sở giúp các cá nhân, tổ chức sử dụng lao động đánh giá khả năng cung ứng nhân lực của nhà trường, xác định được nguồn cung cấp nhân lực phù hợp với yêu cầu lao động. Bên cạnh đó, các cá nhân, tổ chức cũng có thể lựa chọn chính xác nguồn nhân lực tiềm năng cho mình, từ đó, phối hợp với các cơ sở đào tạo thực hiện đào tạo theo địa chỉ. Điều này vừa hỗ trợ cho hoạt động của các

trường, vừa giảm được chi phí và thời gian đào tạo lại của nơi sử dụng nhân lực.

Trong đề án Ngoại ngữ 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg), chuẩn đầu ra “đối với các cơ sở giáo dục đại học không chuyên ngữ, chương trình đào tạo mới phải có mức kiến thức đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam sau khóa tốt nghiệp”.

### 3. CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ

Trước đây, khi mục tiêu giáo dục được xác định là truyền thụ kiến thức càng nhiều càng tốt thì kiểm tra, đánh giá thường được sử dụng để so sánh kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học với mục tiêu của chương trình theo chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đạt được.

Hiện nay, khi mục tiêu giáo dục chuyển sang đào tạo và bồi dưỡng năng lực, phẩm chất người học thì việc thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục đang đổi mới cả nội dung lẫn phương pháp đánh giá. Thay vì chỉ đánh giá kiến thức, kỹ năng mà người học nắm được, người đánh giá còn phải theo dõi và khích lệ quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của người học, kết hợp chặt chẽ kết quả đánh giá thường xuyên và định kỳ của người dạy với việc tự đánh giá của người học, đánh giá của nhà trường và đánh giá của xã hội.

Với từng loại ngôn ngữ, người đánh giá thu thập thông tin và đưa ra nhận định về mức độ người học ghi nhớ, tái hiện và vận dụng các kiến thức, hiểu biết chung, các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, cú pháp để hiểu, phân tích, đánh giá và phản biện các nội dung đọc và nghe, tương tác nói và viết về các chủ đề tương tự nội dung giảng dạy nhưng gắn liền với thực tế và bản thân người học. Phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng (từ đánh giá qua bài kiểm tra (test) đến các hình thức đánh giá phi kiểm tra (non-test) như quan sát, hồ sơ học tập, dự án học tập...).

Nhìn chung, kiểm tra, đánh giá năng lực

ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra đòi hỏi người dạy phải chuyển trọng tâm từ kiểm tra trí nhớ máy móc của người học về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp riêng lẻ sang kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp, vận dụng những kiến thức ngôn ngữ đã học vào những tình huống giao tiếp cụ thể. Ngoài ra, đánh giá năng lực ngoại ngữ không hoàn toàn chỉ dựa vào chương trình thực hành tiếng như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi năng lực ngoại ngữ là tổng hoà, kết tinh kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức... được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

### 4. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CỦA BỘ MÔN TIẾNG PHÁP TẠI HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

Tại Học viện Khoa học Quân sự, từ năm 2010, môn tiếng Pháp được giảng dạy cho học viên, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh và tiếng Trung Quốc. Chương trình môn học với 12 đơn vị học trình, được chia làm 3 học kỳ, thời lượng 100-125 tiết/học kỳ (Học viên học theo niên chế với 100 tiết/học kỳ, sinh viên học theo tín chỉ 125 tiết/học kỳ). Theo quy định về chuẩn đầu ra của Học viện, học viên, sinh viên sẽ phải đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương với trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu.

Công tác kiểm tra của Học viện được thực hiện theo quy định của Giám đốc Học viện về công tác kiểm tra, đánh giá của Học viện Khoa học Quân sự, cụ thể đối với bộ môn tiếng Pháp được quy định cụ thể như sau:

Hình thức thi: Thi vấn đáp và viết; thi theo từng kỹ năng riêng lẻ (nghe, nói, đọc, viết).

Thang điểm: Điểm môn học (học phần) tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5. Điểm môn học (học phần) là tổng các điểm: Điểm thi kết thúc học phần, chiếm tối đa 60% điểm môn học (học phần) và Điểm quá trình,



chiếm tối đa 40% điểm môn học, gồm các thành phần cụ thể như sau:

- + Điểm chuyên cần: 0,5 điểm.
- + Điểm kiểm tra học trình: 2,0 điểm
- + Điểm thảo luận, thực hành: 1,5 điểm

Quy định số lần kiểm tra học trình được tính như sau: 3 lần/học kỳ

Điểm kiểm tra học trình là trung bình cộng điểm các lần kiểm tra học trình. Nếu người học vắng có lý do chính đáng thì được phép kiểm tra bổ sung. Các trường hợp vắng không có lý do chính đáng thì bị tính điểm 0 (Học viện Khoa học Quân sự, 2014).

Ở Tổ bộ môn tiếng Pháp, việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành thường xuyên theo đúng quy định của Học viện bằng các bài kiểm tra trình (từ 5 - 6 tuần học sẽ có 1 bài kiểm tra trình), hết học phần có bài thi theo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Điều này đã khuyến khích người học phải học tập thường xuyên, không phải đến lúc thi mới học. Tuy nhiên, hình thức đánh giá bằng các bài tập lớn, tiểu luận chưa được áp dụng. Hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan chưa được sử dụng nhiều. Hiện nay, Tổ bộ môn đang triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan và dự kiến sẽ áp dụng thí điểm trong học kỳ II năm học 2016-2017.

Về nội dung kiểm tra đánh giá tập trung vào kiểm tra kiến thức, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của học viên, sinh viên. Đánh giá chủ yếu thông qua các bài kiểm tra trình và bài thi cuối học phần. Tất cả các bài kiểm tra, bài thi đều bám sát nội dung môn học và theo yêu cầu chuẩn đầu ra của Học viện (Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hay A2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu). Mỗi học phần đều xây dựng ngân hàng đề thi do tổ bộ môn xây dựng, được thẩm định và thông qua cấp Học viện. Quy trình ra đề thi, coi thi, chấm thi đảm bảo đúng quy chế. Các đề thi đều có đáp án và thang điểm rõ ràng và hàng năm được

rà soát, điều chỉnh, loại bỏ những câu không phù hợp, cập nhật kiến thức mới và bổ sung đề mới... để ngân hàng đề thi ngày càng hoàn thiện hơn.

## 5. NHỮNG ĐỀ XUẤT

Để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá môn tiếng Pháp theo chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ tại Học viện Khoa học Quân sự, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, xác định rõ phương thức đào tạo môn tiếng Pháp tại Học viện Khoa học Quân sự theo hướng phát triển năng lực ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc A2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu. Cần xác định cụ thể, các hình thức, nội dung dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm hình thành, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển các năng lực sử dụng ngôn ngữ vào mục đích giao tiếp; hình thành, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển các năng lực chung như: năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng công nghệ thông tin....

Hai là, xác định cụ thể sau mỗi học phần học viên, sinh viên phải đạt được một bậc cụ thể theo Khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam hoặc Khung tham chiếu chung châu Âu để làm căn cứ để kiểm tra đánh giá trình độ sau mỗi học phần của môn học. Việc cụ thể hoá bậc năng lực ngoại ngữ cần đạt được sau mỗi khoảng thời gian nhất định có vai trò quan trọng, bởi xác định được mục tiêu cụ thể sẽ có tác động tích cực đến các khâu khác của quá trình đào tạo như xây dựng chương trình, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá. Các bậc năng lực tiếng Pháp được đề xuất như sau: Kết thúc học phần 1 (tiếng Pháp 1), học viên sinh viên đạt được trình độ A1.1, hết học phần 2 (tiếng Pháp 2) là trình độ A1, học phần 3 (tiếng Pháp 3) là trình độ A2. Cụ thể:

Kết thúc học phần 1, học viên, sinh viên có thể nắm được một số cách diễn đạt thân mật và hàng ngày được sử dụng trong những tình huống giao tiếp thường xuyên cũng như những cách nói



đơn giản dùng để đáp ứng một số nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống xã hội; có thể tự giới thiệu bản thân, có thể đặt và trả lời các câu hỏi liên quan, ví dụ : quốc tịch, tuổi tác, nơi ở, trường học, có thể tham gia một cuộc trò chuyện thông thường, bằng cách nói đơn giản (tập trung vào một hoặc hai từ) và nhờ đến tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ khác được chấp nhận nếu người trò chuyện cùng nói chậm rõ ràng đồng thời tỏ ra hợp tác và khoan dung.

Kết thúc học phần 2, học viên, sinh viên có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật và các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác và có thể trả lời những thông tin về bản thân mình như sống ở đâu, biết ai và có cái gì. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm và rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

Kết thúc học phần 3, học viên, sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc thường xuyên được sử dụng liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối cần thiết (chẳng hạn như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm. Có thể giao tiếp về những chủ đề giao tiếp đơn giản, cần trao đổi thông tin về những vấn đề quen thuộc hàng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân mình, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Ba là, đa dạng các loại hình kiểm tra đánh giá bằng cách bổ sung các loại hình đánh giá bằng bài tập theo nhóm, bài tập thuyết trình và đánh giá bằng hồ sơ học tập. Các loại hình đánh giá này có nhiều ưu thế khuyến khích học viên, sinh viên phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, phản ánh khả năng vận dụng kiến thức vào các nhiệm vụ, tình huống cụ thể, thể hiện được năng lực ngoại ngữ của người học. Kết quả của các bài thuyết trình, các bài tập theo nhóm, các báo cáo... cho phép giảng viên đánh giá được mức độ nhận thức về kiến thức, kỹ năng, đặc biệt là đánh giá được khả năng tư duy độc lập và khả năng sáng tạo trong học tập. Đối với học viên, sinh viên học tiếng Pháp ngoại ngữ 2 tại Học viện chưa có

nhiều kiến thức về ngôn ngữ để diễn đạt được những suy nghĩ và ý tưởng của mình, người dạy nên lựa chọn những chủ đề đơn giản, phù hợp với trình độ của người học.

Bốn là, tổ chức cho giảng viên trong Tổ bộ môn tham gia các khoá bồi dưỡng về kiểm tra, đánh giá, đặc biệt về kiểm tra đánh giá theo trắc nghiệm khách quan và kiểm tra, đánh giá kỹ năng nói và viết.

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, hiện nay, Tổ bộ môn đang thực hiện thí điểm kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu của học phần tiếng Pháp 2 theo hình thức trắc nghiệm khách quan. Mặc dù, các giảng viên tiếng Pháp phần lớn đều được đào tạo về chuyên ngành sư phạm nhưng khi thực hiện công tác biên soạn ngân hàng đề thi theo hình thức trắc nghiệm cũng còn gặp nhiều lúng túng. Việc biên soạn này thường dựa vào kinh nghiệm cá nhân, theo ý muốn chủ quan, chứ chưa dựa vào các nguyên tắc tường minh và các mục tiêu, tiêu chí được xác định một cách rõ ràng cụ thể từ trước khi biên soạn. Do vậy, để có được công cụ đánh giá có đầy đủ các tiêu chí như độ giá trị, độ tin cậy, tính khả thi... ngoài việc giảng viên cần tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn thì Học viện cũng phải tổ chức những khoá học bồi dưỡng về kiểm tra đánh giá nói chung và kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm khách quan nói riêng. Ngoài ra, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam và Viện Pháp ngữ (Institut français du Vietnam) hàng năm tổ chức khoá tập huấn kiểm tra đánh giá tiếng Pháp theo Khung tham chiếu Châu Âu cho giảng viên các trường đại học trong khối Đại học Pháp ngữ (AUF). Giảng viên của Học viện có thể tham gia khoá bồi dưỡng này nếu được sự cho phép của Học viện và các cơ quan chức năng.

Đối với kỹ năng nói và viết, do hai kỹ năng này thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan khi đánh giá nên giảng viên cũng cần được tập huấn về các tiêu chí đánh giá, các thang điểm đánh giá và phải được quan sát trực tiếp việc đánh giá giả định trong các buổi tập huấn.



## 6. KẾT LUẬN

Kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt của quá trình dạy học. Đây cũng là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Việc kiểm tra, đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng không chỉ đánh giá được học viên, sinh viên đạt được mục tiêu đào tạo ở mức độ nào, mà còn là động lực mạnh mẽ, khích lệ học viên, sinh viên tìm tòi sáng tạo, không ngừng vươn lên trong học tập. Kết quả kiểm tra, đánh giá sẽ được sử dụng để cải tiến nội dung và cách thức đào tạo học viên, sinh viên. Với những đề xuất giải pháp nêu trên, chúng tôi hy vọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra đánh giá của Tổ bộ môn tiếng Pháp, từ đó nâng cao chất lượng của công tác giảng dạy của tổ bộ môn này tại Học viện Khoa học Quân sự./.

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân năm 2008- 2020*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo Số 2196 /BGDDT-GDDH*.
4. Vũ Thị Quỳnh Dung, *Đổi mới kiểm tra đánh giá hướng đến chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, Đại học Hùng Vương* <<http://text.123doc.org/document/2852877-doi-moi-kiem-tra-danh-gia-huong-den-chuan-dau-ra-ve-nang-luc-ngoai-ngu-cho-sinh-vien.htm>>.
5. Học viện Khoa học Quân sự (2014), *Chương trình chi tiết môn Ngoại ngữ 2 tiếng Pháp*.
6. Nguyễn Thị Quỳnh Yến (2015), *Chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên không chuyên tiếng Anh*, Kỷ yếu hội thảo Khoa học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.
7. Conseil de l'Europe (2001), *Cadre européen commun de références pour les langues- apprendre, enseigner, évaluer*, Didier, Paris.
8. Tagliante Chirstine (2005), *L'évaluation et le Cadre européen commun*, CLE International, Paris.

## IMPROVING QUALITY OF FRENCH ASSESSMENT TESTS BASED ON OUTCOME STANDARD OFF FOREIGN LANGUAGE CAPACITY IN MILITARY SCIENCE ACADEMY

TRAN THI MINH THUC

**Abstract:** The article presents several solutions to improve quality of French assessment test in Military Science Academy based on theories and practices of Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam and the Common European Framework of Reference, and the practices of teaching – learning – testing of French Language Department of Military Science Academy. To implement the last phase in the process of teaching-learning foreign language in general as well as teaching-learning French in particular, it is necessary to define assessment methods towards development of foreign language capacity which meeting program outcome standard; define a clear roadmap, after each subject the students should meet a certain standard ; diversify assessment tests by adding large exercise, presentation exercise and learning-result based assessment; organize training program on assessment for teachers, especially objective assessment and assessment on speaking and writing skills.

**Keywords:** *outcome standard, assessment test, foreign language capacity.*

*Received: 28/4/2017; Revised: 9/5/2017; Accepted for publication: 28/6/2017*

# NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ VĂN HÓA ANH THÔNG QUA PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ TRONG GIÁO TRÌNH NEW HEADWAY

LÊ HƯƠNG HOA\*, ĐÀO THỊ LÊ MAI\*\*

\*Đại học Cảnh sát Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, ✉ hoalehuongt48@gmail.com

\*\*Đại học Cảnh sát Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, ✉ daothilemai2012@gmail.com

## TÓM TẮT

Khi giao tiếp với người nước ngoài, khả năng truyền tải thông tin khiến người nghe hiểu nhầm là điều không thể tránh khỏi. Để hiểu được một ngôn ngữ không chỉ cần đến kiến thức về ngữ pháp, ngữ âm và từ vựng mà còn phải nắm được các đặc điểm về văn hóa của đất nước đó. Tuy nhiên, các yếu tố văn hóa trong bộ sách giáo khoa New Headway dường như không được chú trọng nhiều trong quá trình dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Cảnh sát Nhân dân. Vì vậy, nghiên cứu này đã được thực hiện để làm nổi bật các yếu tố văn hóa trong bộ sách New Headway nhằm giúp sinh viên có thể giao tiếp hiệu quả sau khi sử dụng tài liệu học tập này. Ngoài ra, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp cần kết hợp các yếu tố văn hóa vào giảng dạy ngoại ngữ để việc dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Cảnh sát Nhân dân ngày càng trở nên thú vị và hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** *giáo trình New Headway, phương tiện ngôn ngữ, yếu tố văn hóa.*

## 1. INTRODUCTION

It is evident that language and culture are interdependent and interactional. Culture affects the way language is used and language may reflect many factors of culture in turn. In addition, what is right in one culture may not be accepted in another culture. As people from one country to another, cultural differences become apparent to them when discussing culture and language use have come to the conclusion that if learners do not acquire some familiarity with the cultural norms of native speakers of their target language, they will meet difficulties in communicating these ones (Bentahila, A., & Davies, E., 1989). Thus, cultural knowledge is

obviously a vital key for Vietnamese students for success in learning English because second language learning is second culture learning. Without the study of culture, foreign language instruction is inaccurate and incomplete. Clearly, if you do not understand about culture of a community, you cannot understand and express fully meanings in the context of that communication; therefore you will not be able to gain a successful communication. Up to now, English has become a compulsory subject in schools, colleges and universities in Vietnam. Therefore, different kinds of English teaching and learning materials are available now in Vietnam. However, the main emphasis on structural rules and forms often serves as



the principal method of teaching English. Most Vietnamese teachers tend to focus on teaching grammar, vocabulary, language skills without paying much attention to cultural background knowledge. The students may get difficulties in achieving contextual, situational and cultural appropriateness in communication. With the aim to identifying British cultural elements revealed in the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate New Headway textbooks, this research was carried out to raise the teachers' and students' awareness of the importance of cultural knowledge in cross-cultural communication as well as in mastering English language and to give suggestions for incorporating culture teaching into language teaching so that English learning and teaching become more interesting and effective.

## 2. THEORETICAL BACKGROUND

### 2.1. Culture

Culture is often thought of as shared behavior and beliefs, but in any society, all individuals never think and act exactly the same. Each author has different definitions of culture.

Levine and Aleman (Levine, Lawrence W., 1993, p.57) think culture as

*“a shared background (for example national, ethnic, religious) resulting from a common language and communication style, customs, beliefs, art, music and all the other products of human thought made by a particular group of people at a particular time. It also refers to the informal and often hidden patterns of human interactions, expressions and viewpoints that people in one culture share”.*

Here, it means that culture consists of everything that happens in our daily life. Most people in a country have the same habits or the same patterns of thinking or behave similarly, which are called culture.

Wardhaugh (1972, p.217) states that: *“A society's culture consists of whatever it is one has to know or believe in order to operate in a*

*manner acceptable to its members, and to do so in any role that they accept for any one of themselves.”*

Language and culture always keep changing, consequently, people's behaviors and attitudes seem to vary due in time and space.

According to Bock: *“Culture, in its broadest sense, is what makes you a stranger when you are away from home. It includes all beliefs and expectations about how people should speak and act which have become a kind of second nature to you as a result of social learning. When you are with members of a group who share your culture, we or you do not have to think about it, for you are all viewing the world in pretty much the same way and you all know, in general terms, what to expect of one another”* (Bock, Philip K., 1970, p. 1).

Nguyen Quang's point of view about culture: *“Culture is the whole complex of tangible and intangible expressions that are created and adapted by society or a social group as well as the ways it functions and reacts in given situations, this helps distinguish one society or social group from another not only in terms of the availability of those expressions and behaviors, but also in terms of their proportionality and manifestability”* (Nguyen Quang, 1983, p. 24).

Culture is always the result of human intervention in the biological processes of nature. It is the product of socially and historically situated discourse communities, created and shaped by language. Culture is always changing because culture consists of learned patterns of behavior and belief. More clearly, language cannot occur alone and is never separated from social activities and its culture.

### 2.2. Elements of culture

There are many different ideas from the classifications of cultural elements. To serve the purpose of this research, elements of culture such as norms, values, attitudes and communication styles in the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate New Headway textbooks are



identified as follows based on the studies of Saville-Troike (Saville-Troike, Muriel, 1982).

– **Norms** are the rules of culture that tell the members of a culture how they are expected to behave in a given situation. In other words, norms are cultural standards for behavior or “The way we do things around here” (Valdes, J.M., 1986, p.61). Every society or every civilization has a set of norms. This can include the folkways, mores, taboos and rituals in a culture.

– **Values** are cultural standards or judgments of what is right, good, or desirable. Values are ideas that we hold to be important. Values govern the way we behave, communicate and interact with others. A value system differentiates right feelings, thoughts and behavior from wrong feelings, thoughts and behavior.

– **Attitudes** are the external displays of underlying beliefs that people use to signal to other people of their membership. This includes internal members. Attitudes also can be used to give warning.

– **Communication styles:** Communication style means the way a particular individual communicates with other persons. Different people follow different styles of communication, depending on their personality and attitude.

### 2.3. Interrelationship between Language and Culture

It is commonly accepted that the relationship between language and culture is well established and must be placed within the social context. They are dialectically interrelated and language is one of the most typical presentations for perception and thinking. Language both reflects and affects one’s world view. When referring to the relationship between language and culture, Joyce M. Valdes (Valdes, J.M., 1986, p. 4) suggests the circular pattern of language, culture and thought in which each influences and is influenced by the others. Obviously, it is impossible for human beings to study anything without being acknowledged of the language and its culture at the same time. Culture is a deeply

ingrained part of people’s lives. However, language - the means for communication among members of a culture - is the most visible and available expression of that culture.

It is widely recognized that language is a reflection of culture and in turn, words, of course, always reflect cultural elements. Language and culture can be seen as the faces of a sheet of paper (Nguyen Quang, 1983). Language expresses, embodies, symbolizes cultural reality and in turn, cultural knowledge makes language alive. Language cannot exist outside the social context, language is a social institution, both shaping and shaped by a large society.

In short, culture influences the way in which language is used; each individual, social group or community communicates basing on its own typical cultural viewpoint. And in its turn, language which contains many factors of culture plays a crucial role in expressing cultural values and perceptions as well as maintaining and developing culture from generation to generation. Culture shapes our view of the world and language is the most representative element in any culture.

### 2.4. Cultural dimension of English language learning and teaching

The issue of culture being a part of the classroom setting in two complementary viewpoints is discussed by Tavares and Cavalcanti who point out that “Culture is not only present in the classroom setting but also in the language that is being taught” (Tavares, R., Cavalcanti, I., 1996, p. 18).

Claire Kramsch (Claire Kramsch, 1998, p. 93) asserted: “If language is seen as social practice, culture becomes the core of language teaching. Cultural awareness must then be viewed as enabling language proficiency. Culture in language teaching is not expendable fifth skill, tacked on, to the teaching of speaking, listening, reading and writing”.

Regarding teaching culture in language training, it is very important to mention the



conclusion of Robert Polizer, “As language teachers, we must be interested in the study of culture (in the social scientist’s sense of the word) not because we necessarily want to teach the culture of the other country but because we have to teach it” (Politzer, R., 1959, pp. 100-101).

Culture and language are thus interrelated and language is used as the main medium through which culture is expressed. We can therefore agree that bringing cultural studies of English speaking countries closer to students will help them to better understand the language, its background and usage and vice versa. Better understanding of the language will help the students to accept a foreign culture and also their own culture. The nature of teaching culture is to increase the students’ awareness and to develop their curiosity towards the target culture and their own, helping them to gain the understanding among the cultures. If one teaches language without teaching about the culture in which it operates, the students are learning empty or meaningless symbols or when using the learnt language, they may use the language inappropriately in a cultural context, thus fail to achieve the purpose of learning a language. If students are fully equipped about cultural background knowledge, they will understand that all people exhibit culturally-conditioned behaviors; social variables such as age, sex, social class and place of residence influence the ways in which people speak and behave; students are more aware of conventional behavior in common situations in the target culture which increases their awareness of the cultural connotations of words and phrases in the target language. Therefore, if we want to learn another language, we need to learn to appreciate the culture of which the language is part. Many of the meanings constructed in the language are culture – specific.

It is obvious that culture becomes an indispensable part in any foreign language teaching which requires language teachers and students pay attention much to cultural elements revealed in the textbooks as Brown (1990) stated that

cultural knowledge makes it easier to understand the texts. Culture must be fully incorporated as a crucial factor of language learning and teachers should recognize the basic cultural items in every aspects of the language that they teach.

### 3. RESEARCH METHODOLOGY

#### 3.1. Research question

The study focuses on identifying the cultural elements such as norms, values, attitudes and communication styles of British in the New Headway textbooks. So the study is set up to answer this question: *What are the cultural elements that are revealed in the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate New Headway textbooks?*

#### 3.2. Methods of the study

This study used quantitative method in order to quantify British cultural elements such as norms, attitudes and communication styles in the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate New Headway textbooks. Data was collected by means of descriptive analysis and statistic.

#### 3.3. Data collection procedures

In this study, the investigation into cultural elements in the textbooks is conducted according to the following procedures:

Firstly, the researchers read and review background theories of culture;

Secondly, the researchers investigate the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate New Headway textbooks to identify cultural elements such as norms, attitudes and communication styles of British;

Thirdly, the researchers list norms, attitudes and communication styles of British culture;

Finally, the researchers make statistics and present the results in tables to analyze, summarize about the frequency of occurrence of British norms, attitudes and communication styles in the textbooks and give implications for teaching culture into language training.

### 3.4. Results: Identifications of British cultural elements in New Headway textbooks (See Appendix)

#### 3.4.1. Norms

**Non-verbal behavior:** The handshake is the common form of non-verbal greeting. A firm handshake is the norm; there are no issues over gender in the UK. When you are first introduced to someone, shake their right hand with your own right hand. It is considered polite to do so.

**Do Smile:** A smiling face is a welcoming face.

Taking off your jacket and rolling up your sleeves is a sign of getting down working in Britain.

**Gift Giving Etiquette:** If you are invited to someone's home, it is normal to take along a box of good chocolates, a good bottle of wine or flowers.

**Queuing:** Queuing is a never ending occurrence in Britain. You will find lines at every public facility, event, meet-up, etc. No matter how long the line is always go to the back.

**Driving:** British drive on the left side of the road.

**Table Manners:** Table manners are continental, i.e. the fork is held in the left hand and the knife in the right while eating.

**Punctuality:** The people of Britain are very conscious of time and they are very particular about reaching an appointment on time. Being late for an appointment is considered as impolite in Britain.

**Individualism and privacy:** Individual needs are considered primary. They consider the ideal person to be an individualistic, self-reliant, independent person. The British are very reserved and private people. They will not necessarily give you a tour of their home and, in fact, may keep most doors closed. They expect others to respect their privacy. This extends to not asking personal or intimate questions. The British value their space and keeping an acceptable distance is advised. So the safest topic to break ice is the

weather. The apparent lack of curiosity about other people is simply a greatly cherished sense of privacy and fear of invading yours.

**Freedom:** British people especially respect individual freedom in thought, action and feeling, etc. Although Britain is historically a Christian society, people are usually very tolerant towards the faiths of others and those who have no religious beliefs.

**Equality:** Women in Britain are entitled to equal respect and status as men (and indeed vice versa) in all areas of life and tend to have more independence and responsibility than in some other cultures. Women are usually independent and accustomed to entering public places unaccompanied. It is usual for women to go out and about on their own as well as with friends. Men and women mix freely.

**Self-reliance and independence:** Children are early gone to school to learn "self-reliance", "independence". These values are developed and enhanced in British people's lives. The British don't subscribe to clinging.

**Hard work:** British people are pressured and constrained by time because they are trying to control it. People shouldn't waste or kill time. They must rush to get things done. They must follow their schedules to be productive. Their hard work is measured by the numbers of hours worked in a week. Many people often work several hours overtime a week.

#### 3.4.2. Attitudes

**The love of nature:** British have an idealized vision of the countryside. They are known as a nation of gardeners. Many people in Britain are proud of their houses and gardens. They want their houses and gardens to look nice. Every town in Britain has one or more DIY (Do it yourself) centers and garden centers.

**The love of animals:** The British tend to have a sentimental attitude to animals. Nearly half of the households in Britain keep at least one domestic pet. When these pets die, British buried



them in their back gardens. The status of these pets is taken seriously. For example, it is illegal to run over a dog in your car and then keep on driving. You have to stop and inform the owner.

**Dresses:** Style of dress depends more on personal preference than on position or rank: don't be surprised to find lecturers in jeans or sweaters. British are very particular about the way they dress. The citizens always dress according to the occasion.

**Food:** The eating habits of British are varied. However, despite regional and cultural disparities a few common benchmarks can be delineated. Usually, British people are fond of good food and they love to eat Italian, Indian and Chinese dishes.

**Drink:** The attitude to alcohol in Britain is ambivalent. On the one hand, it is accepted and welcomed as an integral part of British culture. The local pub plays important role in almost every neighborhood and pubs, it should be noted, are predominantly for drinking of beer and spirits. Even a certain level of drunkenness is acceptable. Provided this does not lead to violence, there is no shame attached to it. A love for tea is almost a common trait among all British people. Britain is a tea-drinking nation.

**Entertainment:** People enjoy various indoor and outdoor activities in Britain. The weekends are a time for families in Britain. Going shopping is popular with many families; especially Saturdays are a busy time for shops. Going to the pub is the most popular leisure activity outside the home. Sports and physical recreation has always been popular. Local governments provide cheap sport and leisure facilities such as swimming pools, tennis courts, parks and golf courses.

**Meals:** Meals tend to be eaten quickly and the table clearly. Parties and celebrations are not normally centered on food. The evening meal is the main meal of the day in most parts of Britain. Eating out has grown in popularity. British are happy to have a business lunch and discuss business matters with a drink during the meal.

### 3.4.3. Communication styles

**Politeness:** British are very polite. It is an important value in British society, often accomplished by some rather pointless exchanges of pleasantries. When entering a business meeting, expect to spend the first 10 minutes exchanging niceties before moving into business. In a restaurant, people will have to say thank you when they get the menu, thank you when they place the order, thank you when getting your dishes, thank you when the waiter takes away the plates and even thank you when paying! It is very good manners to say "please" and "thank you". It is considered rude if people don't. You will notice in England that people say "thank you" a lot. People will have to say "excuse me" if they want to pass someone and "I'm sorry" if accidentally touch someone.

**Indirectness:** The British, in particular the English, are renowned for their politeness and courtesy. So "indirectness" is a key element of British culture and is a fundamental aspect of British communication style. When doing business in Britain you generally find that direct questions often receive evasive responses and conversations may be ambiguous and full of subtleties.

**Formality and informality:** The British have both formality and informality; depend on different situations, roles and environment. Most people use the courtesy titles or Mr., Mrs. or Miss and their surname. However, if communicating with someone they know well, their style may be more informal, although they will still be reserved. First names usage and the lack of formal ritual are typical. People often call each other by their first names where in other countries people use last names.

**Humor:** Humor is a vital element in all aspects of British life and culture is the renowned British sense of humor. The importance of humor in all situations, including business contexts, cannot be overestimated. It is used in numerous ways: to establish a positive atmosphere, to create a



sense of togetherness, to bridge differences, to introduce risky ideas, to criticize, to show appreciation or contempt of a person. British people joke about everything including the queen, politicians, religion, themselves.

**Understatement:** British always understate what they do. For example, depending on the tone “Not bad” can actually mean “very good” and “not bad at all” might be the highest praise you ever get from a British person.

**Friendliness and stiff upper lip:** British are also very “quiet” and keep to themselves. There is a proper way to act in most situations and the British are sticklers for adherence to protocol. This can be hard if you want to make friends with them. Friendships take longer to build; however, once established they tend to be deep and may last over time and distance. “Stiff upper lip” is a term often used to describe the traditionally British portrayal of reserve and restraint when faced with difficult situations. Although the British are generally seen as being reserved, you will find that in the North of England, people are usually quite friendly. They will appreciate it if you make a chat about the weather or take an interest in local affairs. Especially as a man, you might have to get used to the fact that many (older) people address you as “Love”. Don’t worry, they don’t have amorous intentions.

#### 4. CONCLUSION

It is obvious that these course books are not cultural material sources but we can recognize that every text, conversation or activity contains cultural contents which are very vital to master English language the best. With the large cultural knowledge, the learners of English foreign language will know how to behave or communicate better and may gain English language more easily and effectively.

As mentioned above, teaching and learning a second language is teaching and learning second culture. It is essential to learn it right when we start to learn a language. Hence, good methods for integrating culture teaching into

English language teaching need to be focused and discussed, especially when teaching the communicative course books “New Headway” for students of the People police University. It is the foreign language teachers’ responsibility to find practical solutions to this problem to integrate culture teaching into their language teaching in one way or another.

First of all, the teachers should provide the students with the knowledge of English speaking cultures which are considered the effective means of mastering English language and gaining good communication. In other words, the teachers should raise the students’ awareness and attitudes of the importance of culture in learning English and make sure that the knowledge of culture which students are exposed to be most benefit to them.

Secondly, the teachers ought to help the students understand more about the cultural values and be aware of cultural differences. It means the students may be pointed out whether certain behaviors, attitudes, lifestyles, etc. are appropriate in English, Vietnamese cultures in certain situations. From that fact, students may relate to the native culture and give a comparison between English speaking cultures and the native culture.

Subsequently, the teachers need to plan the cultural lessons and activities as carefully as language activities and integrated into lesson plans. If the cultural lessons are prepared carefully, they will transfer fully cultural knowledge to their students.

Lastly, when using New Headway textbooks, the teachers are advised to create chances of social interactions for students because one of the best ways to teach social English is by social situations. Through the texts or activities, the teachers may help students recognize which behaviors are accepted in British.

In short, teaching English cannot be separated from teaching its culture. In order to help the students master English effectively via



the textbooks “New Headway”, cultural elements should be highlighted by the teachers during the language lessons. Also, it should be noted gradually that it is necessary to teach culture to the students so that they can overcome all difficulties or culture shock in real-life communication.

### Reference:

1. Bentahila, A., & Davies, E. (1989). “Culture and language use: A problem for foreign language teaching”. *IRAL*, 27(2), 99-112. <http://dx.doi.org/10.1515/iral.1989.27.2.99>.
2. Bock, Philip K. (1970). *Culture Shock: A Reader in Modern Cultural Anthropology*. New York: A. A. Knoph Company.
3. Brown, G. (1990). “Cultural values: The interpretation of discourse”. *ELT Journal*, 44(1), 11-17.
4. Claire Kramsch. (1998). *Language and Culture*. Oxford. Oxford University Press.
5. Kramsch, C. (1993). *Context and culture in language teaching*. Oxford: Oxford University Press.
6. Levine, Lawrence W. (1993). *The Unpredictable Past: Explorations in American Cultural History*. Oxford. Oxford University Press.
7. Soars, L & Soars, J. (2003). *New Headway Elementary Students Book*. Oxford: Oxford University Press.
8. Soars, L & Soars, J. (2003). *New Headway Intermediate Students Book*. Oxford: Oxford University Press.
9. Soars, L & Soars, J. (2003). *New Headway Pre-intermediate Students Book*. Oxford: Oxford University Press.
10. Nguyen Quang. (1983). *Intercultural Communication*. Vietnam National University - Hanoi College of Foreign Languages.
11. Politzer, R. (1959). “Developing Cultural Understanding through Foreign Language Study”, *Report of the Fifth Annual Round Table Meeting on Linguistics and language Teaching*, pp. 99-105, Washington, D.C, Georgetown University Press.
12. Saville-Troike, Muriel. (1982). *The Ethnography of Communication: An Introduction*. Oxford and Cambridge, MA: Blackwell.
13. Tavares, R., Cavalcanti, I. (1996). “Developing Cultural Awareness”. *English Teaching Forum*. Vol. 34, No 3-4, July – October 1996, Washington: The United States Information Agency, pp. 19-23.
14. Valdes, J.M. (1986). *Culture Bound: Bridging the cultural gap in language teaching*, Cambridge: Cambridge University Press.
15. Wardhaugh, R. (1972). *Introduction to Linguistics*. McGraw-Hill Book Company.
16. Wiseman, Richard L. (2003). “Intercultural Communication Competence”, in: Gudykunst, William B (ed.), *Cross-Cultural and Intercultural Communication*, 191-208, Thousand Oaks: Sage.

## APPENDIX

## 1. The frequency of occurrence of British cultural elements in New Headway textbooks

British Cultural Elements	The frequency of cultural elements in New Headway textbooks		
	Elementary (14 units)	Pre-intermediate (14 units)	Intermediate (12 units)
<b>Norms</b>			
- Non-verbal behavior	Unit 11		Units 4, 8
- Gift giving			Unit 4, 8
- Queuing			Unit 6
- Driving			Units 4,11
- Table manners	Units 5,9		
- Punctuality	Unit 13	Unit 2	Unit 4
<b>Attitudes</b>			
-The love of nature	Unit 5	Units 4,5	Units 2,6,9,11
-The love of animals		Unit 5	Units 2,3,5,6
- Dresses		Unit 14	Unit 2
- Food	Units 5,9	Unit 1	
- Drink	Unit 9	Unit 13	Unit 6,7
- Entertainment	Units 3,4,11,12,14	Units 1,2,10	Units 2,8
- Meals	Unit 9	Unit 13	Units 2,4
<b>Communication Styles</b>			
- Politeness	Units 1,2,3,4,5,8,13,14	Units 3,4,9,12	Units 5,7,12
- Indirectness	Unit 8	Unit 8	Units 6,11,12
- Formality & informality	Units 2,6		Units 8,9
- Humor			Unit 11
- Understatement		Units 10,14	Unit 2
- Friendliness & stiff upper lip	Unit 13	Units 2,8,13	Units 4,7,9,10

## 2. Examples:

**Politeness:** In a snack bar (Unit 2 – Elementary)

A: Good morning.

B: Good morning. Can I have an orange juice, please?

A: Here you are. Anything else?

B: No, thanks.

A: Ninety, please.

B: Thanks.

A: Thank you.

**Food:** (Tape script: Unit 9 - Elementary)

*Marian:*

Well, I love vegetables, all vegetables – I

eat meat too – but not much. I think this is why I like Chinese food so much. There are lots of vegetables in Chinese food. Yes, Chinese is my favorite food, I like the noodles too. Can you eat with chopsticks? I can.

*Lucy:*

Oh, no question, no problem. I know exactly what my favorite food is. Pasta. All pasta. Especially spaghetti. Pasta with tomato sauce – and I like it best when I'm in Italy. I went on holiday to the Italian lakes last year. The food was wonderful..



**A STUDY ON BRITISH CULTURAL ELEMENTS VIA LINGUISTIC MEANS  
IN NEW HEADWAY TEXTBOOKS**

**LE HUONG HOA, DAO THI LE MAI**

**Abstract:** When trying to communicate with people from different cultures and languages, the possibility of miscommunication increases. Understanding a language involves not only knowledge of grammar, phonology and lexis but also certain features and characteristics of the related culture. However, the cultural elements in the New Headway textbooks seem to be neglected during the teaching and learning of English at the People's Police University (PPU). Thus, this study was undertaken to highlight the cultural elements in the Elementary, Pre-intermediate and Intermediate textbooks so that the learners of English at the PPU can communicate appropriately during and after using the "New Headway" course materials. In addition, the authors also offer suggestions for incorporating cultural elements into language teaching so that English learning and teaching at the PPU can become more interesting and effective.

**Keywords:** *New Headway textbooks, linguistic means, cultural elements.*

*Received: 30/12/2016; Revised: 29/4/2017; Accepted for publication: 28/6/2017*